

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TUYÊN QUANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 9530/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang.

Phòng, chống suy thoái đất gắn với mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, hạn chế, từng bước khắc phục tình trạng thoái hóa đất, xói mòn, rửa trôi; bảo vệ, sử dụng bền vững tài nguyên đất, rừng và nước trên địa bàn tỉnh.

Góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; ổn định đời sống và nâng cao sinh kế cho người dân, nhất là khu vực trung du, miền núi.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nguồn lực của tỉnh.

Lồng ghép chặt chẽ các nhiệm vụ của Kế hoạch với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan; tránh trùng lặp, chồng chéo, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của

Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa, góp phần phòng ngừa, hạn chế suy thoái đất, xói mòn, rửa trôi, bạc màu đất; bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái đất, rừng và tài nguyên thiên nhiên; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn bền vững và kinh tế xanh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Kiểm soát cơ bản, từng bước giảm diện tích đất bị suy thoái, xói mòn, rửa trôi tại các khu vực đất dốc có nguy cơ xói mòn, rửa trôi cao; cải thiện độ phì nhiêu của đất và nâng cao chất lượng đất sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, duy trì và nâng cao chất lượng rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng ổn định đạt trên 62,2% theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Phục hồi các khu vực đất bị thoái hóa gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và sinh kế người dân.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, nhận thức cộng đồng về phòng, chống suy thoái đất và sa mạc hóa.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, năng lực dự báo, giám sát và nhận thức cộng đồng về phòng, chống suy thoái đất và sa mạc hóa.

- Lồng ghép các mục tiêu chống sa mạc hóa vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành nông nghiệp, môi trường và xây dựng nông thôn mới.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tuyên Quang cơ bản không còn diện tích đất bị suy thoái nghiêm trọng, là một trong các tỉnh điển hình về kinh tế xanh và phát triển lâm nghiệp bền vững, hình thành hệ sinh thái nông - lâm nghiệp thích ứng hoàn toàn với biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, đào tạo và nâng cao nhận thức cộng đồng

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về phòng, chống sa mạc hóa, sử dụng đất bền vững; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở và người dân về các biện pháp phòng ngừa, cải tạo và phục hồi đất bị thoái hóa.

- Phát huy vai trò của cộng đồng, các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác bảo vệ đất, rừng và môi trường.

2. Điều tra, đánh giá, khoanh vùng và giám sát sa mạc hóa, thoái hóa đất

- Tổ chức rà soát, điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, mức độ và nguyên nhân thoái hóa đất, xói mòn, rửa trôi trên địa bàn tỉnh; xác định các khu vực có nguy cơ sa mạc hóa, thoái hóa đất theo các cấp độ khác nhau.

- Khoanh vùng các khu vực trọng điểm cần ưu tiên phòng ngừa, cải tạo, phục hồi đất; làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp và các chương trình phát triển có liên quan.

- Tham gia cập nhật, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu về sa mạc hóa, thoái hóa đất theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; từng bước ứng dụng công nghệ số, viễn thám, GIS trong theo dõi, giám sát diễn biến thoái hóa đất tại địa phương.

3. Phòng ngừa và phục hồi đất bị thoái hóa

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa thoái hóa đất như: Canh tác theo đường đồng mức, che phủ đất, luân canh cây trồng, sử dụng hợp lý phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, canh tác trên đất dốc bằng biện pháp phù hợp.

- Thực hiện các biện pháp cải tạo, phục hồi đất bị thoái hóa thông qua trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, cải tạo đất nông nghiệp bị suy giảm độ phì nhiêu; ưu tiên các khu vực đất trống, đồi núi trọc, đất sản xuất kém hiệu quả.

- Lồng ghép các giải pháp phục hồi đất với các chương trình trồng rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo vệ, phát triển rừng và hệ sinh thái

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng có vai trò phòng chống xói mòn, sạt lở đất.

- Tổ chức trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng trồng; phát triển các mô hình lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ đất và nguồn nước.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch trồng 50.000 ha rừng giai đoạn 2026-2030 theo mục tiêu Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Tuyên Quang.

- Bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước có vai trò quan trọng trong phòng, chống sa mạc hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất, rừng và nước; lồng ghép áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, các giải pháp phục hồi đất bị suy thoái và sử dụng giống cây trồng chịu hạn, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công

nghe, quy trình canh tác tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường.

- Từng bước triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý, theo dõi, giám sát tài nguyên đất và rừng; nâng cao hiệu quả thu thập, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo để nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình, giải pháp khoa học, kỹ thuật phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tiễn của tỉnh.

6. Ổn định sinh kế, giảm nghèo bền vững tại các khu vực chịu ảnh hưởng

- Lồng ghép các nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với điều kiện đất đai và biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, hợp tác xã và cộng đồng trong phát triển sinh kế gắn với bảo vệ tài nguyên đất và rừng.

7. Lồng ghép, huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp

- Lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa với các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, dự án hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong tổ chức thực hiện; định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp.

(Các nhiệm vụ cụ thể chi tiết tại Biểu kèm theo Kế hoạch này)

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong đó bao gồm ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (nếu có); được lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia các; chương trình, dự án, đề án có liên quan và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát, xác định nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch, trong đó dự kiến nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép và đề xuất nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách trung ương (nếu có), làm cơ sở cân đối trong kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu, tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, lâm nghiệp; kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất đúng quy hoạch, mục đích; phối hợp triển khai các nhiệm vụ phòng, chống suy thoái đất và sa mạc hóa trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch vào các chương trình, dự án đầu tư công và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống sa mạc hóa, sử dụng đất bền vững vào các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực do cơ quan mình quản lý.

- Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, khu vực ưu tiên phòng ngừa và phục hồi đất bị thoái hóa.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các biện pháp sử dụng đất bền vững, bảo vệ rừng và môi trường.

- Chủ động lồng ghép các nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống sa mạc hóa, bảo vệ tài nguyên đất và rừng.

- Tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại cơ sở, góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đúng mục tiêu và tiến độ đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và PT, TH Tuyên Quang;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Toán).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Khoanh vùng, điều tra, theo dõi đất bị sa mạc hóa			
1	Thực hiện điều tra, đánh giá, khoanh vùng các khu vực đất bị sa mạc hoá toàn quốc và theo các vùng kinh tế xã hội.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2028
2	Thực hiện định vị và hệ thống hoá cơ sở dữ liệu các khu vực đất bị sa mạc hoá toàn quốc và theo các vùng kinh tế xã hội.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2027 - 2028
3	Thực hiện tự động hóa trong cảnh báo, dự báo sớm khô hạn và thoái hoá đất theo nguyên nhân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	2027 - 2028
4	Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng sử dụng đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng theo hướng thích ứng và giảm thiểu tác động của khô hạn và thoái hóa đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2028 - 2030
II	Tăng cường phòng, chống sa mạc hóa thông qua tuyên truyền, nghiên cứu, đào tạo và tập huấn			
5	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trong phòng, chống sa mạc hóa, nhất là phòng chống hạn hán; nghiên cứu phát triển các giống cây trồng có khả năng chịu hạn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành liên quan; Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2050
6	Phối hợp với Văn phòng Thường trực Công ước/BDP thực hiện Công ước xây dựng các sản phẩm truyền thông; đẩy mạnh công tác truyền thông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; Báo và PT, TH tỉnh; các sở, ngành liên quan;	2026 - 2035

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về phòng, chống, khắc phục sa mạc hoá.		Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	
7	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực chuyên môn về nhận biết; điều tra, đánh giá và xác định các khu vực bị sa mạc hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2027
8	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về khai thác thông tin, dữ liệu từ hệ thống dự báo, cảnh báo sa mạc hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	2027 - 2050
9	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; sản xuất phát thải thấp; sản xuất nông nghiệp tuần hoàn; chuyển đổi cơ cấu cây trồng để giảm thiểu và thích ứng với sa mạc hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030
10	Đào tạo, tập huấn ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại trong quản lý, bảo vệ, điều tra, giám sát, kiểm kê tài nguyên rừng; tài nguyên đất đai; tài nguyên nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2031 - 2035
11	Đào tạo, tập huấn biện pháp kỹ thuật cải tạo, phục hồi đất bị thoái hoá do các nguyên nhân khác nhau.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	2031 - 2035
III	Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất; trang thiết bị phục vụ dự báo và cảnh báo sớm tại các khu vực đất bị thoái hoá			
12	Xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống trạm quan trắc chỉ tiêu lượng mưa và lượng bốc hơi tiềm năng phục vụ dự báo và cảnh báo sớm khô hạn tại các khu vực đất bị thoái hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2050

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa trang bị thiết bị hiện đại cho các trạm khí tượng thủy văn phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm hạn hán, ngập úng, lũ quét, sạt lở...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	2026 - 2050
14	Xây dựng, nâng cấp, tu sửa hệ thống hồ chứa nước đa mục tiêu đảm bảo tưới tiêu nước; hệ thống đê bao, cửa cống, kênh rạch phòng, chống thiếu nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2027 - 2050
IV	Tăng cường công tác điều tra, theo dõi các nguyên nhân sa mạc hoá và giải pháp phục hồi, cải tạo, ngăn ngừa			
15	Thực hiện điều tra, xác định các nguyên nhân sa mạc hoá, đánh giá tác động, rủi ro và giải pháp phòng, chống.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2028
16	Thực hiện điều tra, phân chia điều kiện lập địa theo mức độ thích hợp cho các loài cây trồng nông nghiệp và lâm nghiệp thích ứng với điều kiện khô hạn và thoái hoá đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hội Nông dân tỉnh; Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030
17	Thực hiện điều tra, đánh giá, phân vùng, phân cấp khí tượng thủy văn và cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán tại các khu vực sa mạc hoá.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2030
V	Cải tạo và phục hồi đất bị thoái hoá thông qua các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp thông minh			
18	Xây dựng, nhân rộng các mô hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng phát thải thấp, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ áp dụng giải pháp khoa học công nghệ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi số, liên kết chuỗi sản xuất nông nghiệp, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp,...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2028 - 2050

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
19	Thực hiện chuyển đổi mô hình canh tác, sản xuất nông nghiệp xanh, bảo vệ đất và nguồn nước, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2050
VI	Nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế lượng bốc hơi tiềm năng; tập trung bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước các hồ, đập			
20	Xây dựng, nhân rộng các mô hình quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững đất lâm nghiệp đồi núi trống, hoang hóa, đất dốc, chống xói mòn và nâng cao độ phì đất ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tổng hợp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2030 - 2050
21	Trồng rừng phòng hộ bán ngập tại các hồ chứa nước lớn và vừa	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2030 - 2050
22	Xây dựng mô hình tái tạo rừng đa tầng tán tiệm cận rừng nhiệt đới trên lưu vực vùng đầu nguồn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2045
23	Xây dựng, nhân rộng các mô hình phục hồi, cải tạo đất thông qua tiếp cận cảnh quan bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2045
24	Trồng rừng và phục hồi rừng tại các khu vực khô hạn, thoái hóa đất áp dụng các công nghệ tiên tiến, tiên bộ kỹ thuật, giống mới tăng hiệu quả phục hồi đất và hiệu quả phòng hộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2030 - 2045
25	Nhân rộng diện tích sử dụng đất áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và tăng hấp thụ các-bon trong lâm nghiệp tạo lợi ích “kép” trong tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng và hiệu quả phục hồi đất ở các khu vực sa mạc hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2050

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VII	Ổn định đời sống cho người dân tại các khu vực bị sa mạc hóa			
26	Thực hiện hỗ trợ dạy nghề và vay tín dụng ưu đãi cải thiện đời sống cho người dân khu vực đất bị sa mạc hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường	2026 - 2050